

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)**

MÃ NGÀNH: 7840106
TÊN NGÀNH: KHOA HỌC HÀNG HẢI
TÊN CHUYÊN NGÀNH: ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

HẢI PHÒNG - 2018

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)

Mã ngành: **7840106**

Tên ngành: **Khoa học Hàng hải**

Tên chuyên ngành: **Điều khiển tàu biển**

Trình độ: **Đại học chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

Chuyên ngành Điều khiển tàu biển (ĐKT) thuộc Ngành Khoa học hàng hải (KHHH) đào tạo về tàu biển và các hệ thống liên quan, đào tạo chuyên sâu về các quy trình khai thác tàu biển.

Chương trình đào tạo Chuyên ngành Điều khiển tàu biển (ĐKT) cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ sở ngành Khoa học hàng hải, bao gồm hệ thống trang thiết bị trên tàu biển, kết cấu tàu biển và kiến thức Chuyên ngành Điều khiển tàu biển (ĐKT), bao gồm kỹ thuật dẫn tàu, xếp dỡ và vận chuyển hàng hoá, kiểm soát hoạt động tàu, các kỹ năng và thái độ cần thiết để hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai, vận hành và đánh giá các quy trình khai thác tàu biển. Chương trình đào tạo cũng chuẩn bị cho sinh viên làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến khai thác tàu biển yêu cầu kiến thức nâng cao về các quy trình khai thác tàu biển và nghiên cứu sau đại học.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu:

(A) Khung TĐQG (K1-K5/ S1-S6/ C1-C4)

(B) Chuẩn kiểm định (yêu cầu về CĐR của tiêu chuẩn kiểm định liên quan)

- các ngành kỹ thuật đối sánh: ABET for engineering programs (3a-3k);

- các ngành máy tính đối sánh ABET for computing programs (3a-3i);

- các ngành Kinh tế-QTKD đối sánh: ACBSP (AC1, AC2, AC4);

- tất cả các ngành đối sánh AUN (AUI.1-AUI.4);

Liên thông: toàn trường (university--UN); nhóm ngành (Engineering--EN, Engineering Technology--ET, Econ-Business--EB, Computer Engineering--CE, Foreign Language--FL, Law--LA...); CĐR riêng của ngành (ghi mã ngành, ví dụ: Marine Engineering--MTT).

Một số chữ viết tắt:

CĐR – Chuẩn đầu ra;

CTĐT – Chương trình đào tạo;

TĐNL – Thang đo năng lực;

KHTN – Khoa học tự nhiên;

KHXH – Khoa học xã hội;

GDTC – Giáo dục thể chất;

GDQP-AN – Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN KỸ THUẬT NGÀNH KHHH		
	KIẾN THỨC CƠ BẢN		
1.1	Kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên	K2- 3a	
1.1.1	Toán giải tích		3.0
1.1.2	Vật lý		3.0
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH&NV, khoa học chính trị, pháp luật	K2- 3a	
1.2.1	Lý luận chính trị		2.5
1.2.2	Pháp luật đại cương		2.5
1.3	Kiến thức cơ bản về tin học, quản lý	K3- 3a	
1.3.1	Tin học (MOS)		3.0
1.3.2	Quản lý		3.0
	KIẾN THỨC CƠ SỞ		
1.4	Kiến thức cơ sở các ngành kỹ thuật	K1,K2,K3 - 3a,3b,3e,3j,3k	
1.4.1	Cơ lý thuyết		3.0
1.5	Kiến thức cơ sở ngành KTHH	K1,K2,K3 - 3a,3b,3e,3j,3k	
1.5.1	Máy tàu thủy		3.0
1.5.2	Điện tàu thủy		3.0
1.5.3	Thiết kế tàu		3.0
	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH ĐKT		
1.6	Kiến thức chuyên ngành	K1,K2,K3,K43a,3b,3e,3j,3k	
1.6.1	Giới thiệu chuyên ngành Điều khiển tàu biển		3.0
1.6.2	An toàn lao động hàng hải		3.5
1.6.3	Thủy nghiệp thông hiệu		4.0
1.6.4	Khí tượng hải dương		3.0

1.6.5	La bàn từ		3.5
1.6.6	Quy tắc phòng ngừa đấm va trên biển		4.0
1.6.7	Luật biển		3.0
1.6.8	Luật hàng hải		3.0
1.6.9	Pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải		3.0
1.6.10	Bảo hiểm hàng hải		3.0
1.6.11	Địa văn hàng hải		4.0
1.6.12	Thiên văn hàng hải		3.5
1.6.13	Máy vô tuyến điện hàng hải		4.0
1.6.14	Thông tin liên lạc hàng hải		4.0
1.6.15	Máy điện hàng hải		4.0
1.6.16	Điều động tàu		4.0
1.6.17	Ổn định tàu		3.5
1.6.18	Vận chuyển hàng hóa		3.0
1.6.19	Kinh tế khai thác thương vụ		3.0
1.6.20	Kiến thức tốt nghiệp		3.5
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT		
2.1	Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề	S1 – 3e, 3k	
2.1.1	<i>Xác định và nêu vấn đề</i>		3.5
2.1.1.1	<i>Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng</i>		3.5
2.1.1.2	<i>Phân tích các giả thuyết</i>		3.5
2.1.2	<i>Ước lượng và phân tích định tính vấn đề</i>		3.5
2.1.2.1	<i>Hiểu được mức độ quan trọng, giới hạn của vấn đề</i>		2.5
2.1.2.2	<i>Phân tích các nguyên nhân của vấn đề</i>		3.5
2.1.3	<i>Phân tích các yếu tố ngẫu nhiên</i>		3.5
2.1.3.1	<i>Nhận biết được các yếu tố ngẫu nhiên tác động đến vấn đề</i>		2.0
2.1.3.2	<i>Giải thích được tác động của yếu tố ngẫu nhiên đến vấn đề</i>		3.5
2.1.4	<i>Các giải pháp và khuyến nghị</i>		3.5
2.1.4.1	<i>Xác định được các giải pháp</i>		3.5
2.1.4.2	<i>Xác định được các kết quả quan trọng của các giải pháp và dữ liệu kiểm tra</i>		3.5

2.1.4.3	<i>Phát hiện các khác biệt trong các kết quả</i>		3.5
2.2	Tư duy tầm hệ thống	S1,S3 – 3b,3c,3j	
2.2.1	<i>Tư duy toàn cục</i>		3.5
2.2.1.1	<i>Hiểu hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần</i>		3
2.2.1.2	<i>Xác định và phân loại được sự tương tác hoàn cảnh bên ngoài đến hệ thống</i>		3.5
2.2.2	<i>Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung</i>		3.5
2.2.3.1	<i>Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống</i>		3.5
2.2.3.2	<i>Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống</i>		3.5
2.3	Thái độ, tư tưởng và học tập	C1 – 3h,3j,3c	
2.3.1	<i>Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt</i>		3.0
2.3.1.1	<i>Nhận thức được ý thức trách nhiệm về kết quả</i>		2.5
2.3.1.2	<i>Cho thấy sự tự tin, lòng dũng cảm, và niềm đam mê</i>		3.0
2.3.1.3	<i>Cho thấy sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu</i>		3.0
2.3.2	<i>Tư duy suy xét</i>		3.0
2.3.2.1	<i>Hiểu mục đích và phát biểu được vấn đề</i>		2.5
2.3.2.2	<i>Diễn giải được những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp</i>		3.0
2.3.3	<i>Học tập và rèn luyện suốt đời</i>		3.0
2.3.3.1	<i>Nhận thức được động lực tự rèn luyện thường xuyên</i>		2.0
2.3.3.2	<i>Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện</i>		3.0
2.4	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác	C1 – 3f, 3k	
2.4.1	<i>Đạo đức, liêm chính và các trách nhiệm khác</i>		3.0
2.4.1.1	<i>Nhận thức được các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân</i>		2.5
2.4.1.2	<i>Cho thấy tính trung thực</i>		3.0
2.4.2	<i>Hành xử chuyên nghiệp</i>		3.0
2.4.2.1	<i>Cho thấy phong cách chuyên nghiệp, tính kỷ luật</i>		3.0
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		

3.1	Làm việc nhóm	S2, S3,S4, C1 – 3d	
3.1.1	<i>Tổ chức nhóm hiệu quả</i>		3.0
3.1.1.1	<i>Nhận thức được</i> vai trò và trách nhiệm của nhóm		2.5
3.1.1.2	<i>Nhận thức được</i> vai trò và trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm		2.5
3.1.1.3	<i>Đánh giá</i> các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên		3.0
3.1.2	<i>Hoạt động nhóm</i>		3.5
3.1.2.1	<i>Nhận biết được</i> các mục tiêu và công việc cần làm		2.0
3.1.2.2	<i>Thảo luận được</i> việc hoạch định và phân bổ công việc cho từng thành viên trong nhóm		3.5
3.1.2.3	<i>Vận dụng</i> giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động) trong quá trình hoạt động nhóm		3.5
3.1.2.4	<i>Cho thấy</i> khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả		3.0
3.2	Giao tiếp	S3,S5 – 3g	
3.2.1	<i>Giao tiếp bằng văn bản</i>		3.5
3.2.1.1	<i>Cho thấy</i> khả năng viết mạch lạc và trôi chảy		3.0
3.2.1.2	<i>Cho thấy</i> khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp		3.0
3.2.1.3	<i>Cho thấy</i> khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word		3.5
3.2.2	<i>Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông</i>		3.5
3.2.2.1	<i>Cho thấy</i> khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử		3.0
3.2.2.2	<i>Cho thấy</i> khả năng sử dụng thư điện tử		3.0
3.2.2.3	<i>Cho thấy</i> khả năng giao tiếp bằng các thiết bị thông tin liên lạc thoại trên tàu biển		3.5
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ	S6 – 3g	3.5
3.3.1	<i>Tiếng Anh (chuẩn đầu ra 450 TOEIC)</i>		3.5
3.3.2	<i>Tiếng Anh chuyên ngành</i>		3.0
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH CÁC QUY TRÌNH KHAI THÁC TÀU BIỂN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG		
4.1	Bồi cảnh bên ngoài xã hội	K2,C1-3h,3j,3f,3c	

4.1.1	<i>Vai trò và trách nhiệm của người kỹ sư điều khiển tàu biển đối với xã hội</i>		2.0
4.1.1.1	<i>Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề kỹ sư điều khiển tàu biển</i>		2.0
4.1.1.2	<i>Xác định các trách nhiệm của kỹ sư điều khiển tàu biển đối với xã hội</i>		2.0
4.1.2	<i>Bối cảnh lịch sử và văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu</i>		2.0
4.1.2.1	<i>Nhận biết được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống văn học, triết học và nghệ thuật</i>		2.0
4.1.2.2	<i>Nhận thức được sự quốc tế hóa của hoạt động con người</i>		2.0
4.2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh	K2,C1 – 3h, 3c, 3f	
4.2.1	<i>Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau</i>		2.0
4.2.1.1	<i>Nhận thức được sự khác biệt về quy trình, văn hóa, và yêu cầu về kỹ luật trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau</i>		2.0
4.2.2	<i>Các bên liên quan</i>		2.0
4.2.2.1	<i>Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan</i>		2.0
4.2.2.2	<i>Phân biệt mối quan hệ giữa các bên liên quan (chủ sở hữu tàu, công ty quản lý tàu, chủ hàng , v.v.)</i>		2.0
4.3	Hình thành ý tưởng về các quy trình khai thác tàu biển	K1,K3,K4,C1,C3-3a,3b,3f,3h	
4.3.1	<i>Nhận thức được những mục tiêu và yêu cầu của các quy trình</i>		3.0
4.3.1.1	<i>Hiểu những mục tiêu và yêu cầu của các quy trình</i>		2.0
4.3.1.2	<i>Diễn giải các mục tiêu và yêu cầu của các quy trình</i>		3.0
4.3.2	<i>Xác định chức năng và cấu trúc của các quy trình đảm bảo mục tiêu có thể đạt được</i>		3.0
4.3.2.1	<i>Nhận thức được các chức năng cần thiết của các quy trình</i>		2.0
4.3.2.2	<i>Khái quát được cấu trúc của các quy trình</i>		3.0
4.3.2.3	<i>Giải thích các khái niệm về triển khai và thực hiện</i>		3.0
4.4	Xây dựng các quy trình khai thác tàu biển	K1,K3,K4,C1,C3-3a,3b,3f,3h	
4.4.1	<i>Quy trình xây dựng</i>		3

4.4.1.1	<i>Xây dựng được các quy trình chung</i>		3
4.4.1.2	<i>Sử dụng các quy trình chung cho các tình huống cụ thể khác nhau</i>		3
4.4.1.3	<i>Xây dựng được các quy trình đầy đủ</i>		3
4.4.1.4	<i>Chứng minh sự đáp ứng khi yêu cầu thay đổi</i>		3
4.4.2	<i>Vận dụng kiến thức trong thiết kế</i>		3
4.4.2.1	<i>Áp dụng kiến thức kỹ thuật và khoa học, kiến thức chuyên ngành</i>		3
4.4.2.2	<i>Sử dụng được những kỹ thuật và quy trình phù hợp</i>		3
4.4.3	<i>Thiết kế đa mục tiêu</i>		3
4.4.3.1	<i>Giải thích được các quy trình đảm bảo: hiệu quả kinh tế</i>		3.0
4.4.3.2	<i>Giải thích được các quy trình đảm bảo: an toàn hàng hải</i>		3.0
4.5	Triển khai, vận hành các quy trình khai thác tàu biển	K1,K3,K4,K5,S1,S2,S3,S4,C1,C3,C5 – 3a,3b,3c,3d,3e,3k	
4.5.1	<i>Lập kế hoạch triển khai</i>		3.0
4.5.1.1	<i>Khái quát hóa các mục tiêu và yêu cầu của việc triển khai thực hiện</i>		2.5
4.5.1.2	<i>Khái quát hóa công tác triển khai: Cách bố trí nhiệm vụ trong nhóm, quá trình phối hợp thực hiện</i>		3.0
4.5.2	<i>Quy trình triển khai</i>		3
4.5.2.1	<i>Triển khai thực hiện theo kế hoạch</i>		3
4.5.3	<i>Quản lý quá trình triển khai</i>		3
4.5.3.1	<i>Thực hiện được việc kiểm soát trong quá trình triển khai và thời gian biểu</i>		3
4.5.3	<i>Thực hiện được việc giám sát đảm bảo chất lượng công việc</i>		3
4.6	Đánh giá các quy trình khai thác tàu biển	K1,K3,K4,K5,S1,S2,S3,S4,C1,C3,C5 – 3a,3b,3c,3d,3e,3k	
4.6.1	<i>Kiểm tra, đánh giá</i>		3.0
4.6.1.1	<i>Diễn giải được quy trình kiểm tra đánh giá</i>		2.5
4.6.1.2	<i>Giải thích sự kiểm tra so với yêu cầu của các quy trình</i>		3.0
4.6.2	<i>Thiết kế và tối ưu hóa quy trình vận hành</i>		2.5
4.6.2.1	<i>Diễn giải tối ưu hóa quy trình vận hành</i>		2.5

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thục
4. Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn đắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Điều khiển tàu biển có khả năng làm việc ở các vị trí sau:

- Thủy thủ, Sĩ quan và Thuyền trưởng tàu biển trong ngành hàng hải,
- Chuyên viên trong các lĩnh vực: Đảm bảo an toàn hàng hải, Pháp chế và an toàn hàng hải, Cảng vụ hàng hải, Đại lý hàng hải, Hoa tiêu hàng hải, Bảo hiểm hàng hải.
- Phụ trách vấn đề hàng hải trong các công ty vận tải biển, dịch vụ dầu khí, dàn khoan, nghiên cứu biển và đại dương.
- Phụ trách công tác đào tạo hàng hải tại các công ty vận tải biển, các công ty liên quan đến hàng hải, vận tải biển.
- Giảng dạy tại các trường Cao đẳng hàng hải, Đại học hàng hải và đủ điều kiện, khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao để trở thành chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực hàng hải.

4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

4.1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 122 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 19 TC.

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở ngành: 09 TC.

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 68 TC.

d. Tốt nghiệp: 6 TC.

e. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 20 TC.

4.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 1</p> <p>I. Bắt buộc: 13 TC</p> <p>1. Giới thiệu chuyên ngành ĐKTB (11121-2TC)</p> <p>2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)</p> <p>3. Toán cao cấp (18124-4TC)</p> <p>4. Vật lý 1 (18201-3TC)</p> <p>5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)</p> <p>II. Tự chọn</p> <p>1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)</p> <p>2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)</p>	<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 2</p> <p>I. Bắt buộc: 12 TC</p> <p>1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106</p> <p>2. Cơ lý thuyết (18405-3TC) 18124</p> <p>3. Điện tàu thủy 1 (13171-2TC)</p> <p>4. Thiết kế tàu (23126-2TC)</p> <p>5. An toàn lao động hàng hải (11103-2TC)</p> <p>II. Tự chọn</p> <p>1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)</p> <p>2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)</p>
<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 3</p> <p>I. Bắt buộc: 13 TC</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106</p> <p>2. La bàn từ (11107-2TC)</p> <p>3. Thông tin liên lạc hàng hải (11234-3TC)</p> <p>4. Thủy nghiệp-thông hiệu (11123-4TC)</p> <p>5. Máy tàu thủy (12117-2TC)</p> <p>II. Tự chọn</p> <p>1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)</p> <p>2. Chính sách về biển và đại dương (11428-2TC)</p> <p>3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)</p>	<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 4</p> <p>I. Bắt buộc: 14 TC</p> <p>1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201</p> <p>2. Khí tượng Hải dương (11106-3TC)</p> <p>3. Luật biển (11402-2TC)</p> <p>4. Thiên văn hàng hải (11233-3TC)</p> <p>5. Địa văn hàng hải 1 (11231-3TC)</p> <p>II. Tự chọn</p> <p>1. Anh văn chuyên ngành HH (25458-3TC)</p> <p>2. TĐ điều khiển tàu thủy (11122-2TC)</p> <p>3. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)</p>
<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 5</p> <p>I. Bắt buộc: 14 TC</p> <p>1. Địa văn hàng hải 2 (11232-4TC) 11231</p> <p>2. Luật hàng hải (11464-3TC)</p> <p>3. Máy vô tuyến điện hàng hải (11235-5TC) 11234</p> <p>4. Kinh tế khai thác thương vụ (11406-2TC)</p> <p>II. Tự chọn</p> <p>1. Tin học văn phòng (17102-3TC)</p> <p>2. TN và PT các TTTT trên biển (11216-2TC)</p>	<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 6</p> <p>I. Bắt buộc: 14 TC</p> <p>1. Quy tắc PNĐV trên biển (11111-3TC)</p> <p>2. Ổn định tàu (11124-4TC) 23126</p> <p>3. Bảo hiểm Hàng hải (11454-3TC)</p> <p>4. Máy điện hàng hải (11236-4TC)</p> <p>II. Tự chọn</p> <p>1. Tin học hàng hải (11114-2TC)</p> <p>2. NV khai thác tàu container (11218-2TC)</p>
<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 7</p> <p>I. Bắt buộc: 12 TC</p> <p>1. Vận chuyển hàng hóa (11237-4TC) 11124</p> <p>2. Điều động tàu (11238-5TC)</p>	<p style="text-align: center;">HỌC KỲ 8</p> <p>I. Bắt buộc: 4 TC</p> <p>1. Thực tập tốt nghiệp (11501-4TC) 11237</p> <p>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</p>

3. PL quốc tế về an toàn hàng hải (11449-3TC)	1. Đồ án tốt nghiệp (11502-6TC)	11501
II. Tự chọn	2. Lập kế hoạch chuyến đi (11221-2TC)	11231
1. Trang TB cứu sinh trên tàu thủy (11125-2TC)	3. XL các THKC trên biển (11215-2TC)	11238
2. HTTT và chỉ báo hải đồ điện tử (11222-2TC)	4. Tôn thất chung (11456-2TC)	

5. Tuyển sinh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức tuyển sinh chuyên ngành Điều khiển tàu biển hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

6. Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo kết quả học tập trong kỳ và kết quả thi cuối kỳ. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ và theo khóa học.

7. Cấp bằng tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra và các điều kiện cấp bằng đại học khác theo quy định được cấp bằng Kỹ sư ngành Khoa học Hàng hải, chuyên ngành Điều khiển tàu biển